TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2022/HNGĐ - ST
Ngày 17 tháng 6 năm 2022
V/v: "Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiền và bà Nguyễn Thị Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Mùi Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2022/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc "Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hà Thị C, sinh năm: 1995. Địa chỉ: Bản P, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Hà Văn T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Bản P, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 02 năm 2022, bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Hà Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Văn T kết hôn với nhau vào ngày 20/3/2014, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đã đủ tuổi kết hôn theo quy định, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Sau ngày kết hôn vợ chồng anh chị về sinh sống với bố mẹ anh T tại xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do vợ, chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không tu chí làm ăn, mâu thuẫn của hai anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành, chị

và anh T đã sống ly thân từ tháng 02/2021 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ, chồng không còn, chị C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn T.

Nghề nghiệp hiện nay của chị là công nhân, mức thu nhập bình quân một tháng là 3.710.000 đồng (ba triệu, bảy trăm mười nghìn đồng).

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là Hà Minh N, sinh ngày 28/02/2011. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Minh N đến khi cháu Hà Minh N trưởng thành đủ 18 tuổi, chị C không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 12/5/2022, bị đơn anh Hà Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hà Thị C kết hôn với nhau vào ngày 20/3/2014, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đã đủ tuổi kết hôn theo quy định, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Sau ngày kết hôn vợ chồng anh chị về sinh sống với bố mẹ anh T tại xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do vợ, chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xô xát, cãi vã, mâu thuẫn của hai anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành, anh và chị C đã sống ly thân từ tháng 02/2021 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Xét thấy tình cảm vợ, chồng không còn, anh T nhất trí ly hôn với chị Hà Thị C.

Nghề nghiệp hiện nay của anh là trồng trọt, mức thu nhập bình quân một tháng là 5.000.000đ (năm triệu đồng).

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là Hà Minh N, sinh ngày 28/02/2011. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Minh Nhật đến khi cháu Hà Minh N trưởng thành đủ 18 tuổi, anh T yêu cầu chị C phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Do mâu thuẫn của anh và chị C đã thực sự trầm trọng, anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án xin ly hôn giữa anh và chị C. Anh T cũng cho rằng do chị C tự ý ra khỏi nhà, tự ý viết đơn xin ly hôn nên anh T sẽ không đến Tòa án để làm việc, anh T cũng không ký vào bất kỳ biên bản, giấy tờ nào của Tòa án.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Hà Văn T vắng mặt. Từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử sơ thẩm, Tòa án đã triệu tập và tống đạt hợp lệ, đồng thời niêm yết công khai tại nhà văn hóa bản Pá Phang 2 và tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu nơi anh Hà Văn T sinh sống các văn bản tố tụng cho anh T, nhưng anh T cố tình vắng mặt, không đến tham gia các buổi làm việc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn đã được tống đạt các thủ tục theo quy định của pháp luật, tuy nhiên không hợp tác để giải quyết vụ án, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ các đương sự cung cấp và các tài liệu chứng cứ do tòa án thu thập, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hà Thị Chi; Xử cho chị Hà Thị Chi được ly hôn với anh Hà Văn T.

2. Về con chung:

- Giao cháu Hà Minh N, sinh ngày 28/02/2011 cho anh Hà Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Hà Minh N trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hà Thị C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Hà Minh N cùng anh Hà Văn T, mức cấp dưỡng nuôi con chung đề nghị HĐXX xem xét, cân nhắc, quyết định mức cấp dưỡng phù hợp với điều kiện kinh tế của chị C.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Hà Thị C phải chịu án phí DSST và án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Chị Hà Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hà Văn T có địa chỉ bản Pá Phang 2, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, vì vậy xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La..

[2] Về tố tụng: Đối với bị đơn anh Hà Văn T đã được tống đạt và niêm yết hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Hà Thị C và anh Hà Văn T kết hôn với nhau vào ngày 20/3/2014, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đã đủ tuổi kết hôn theo quy định, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị C và anh T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Qua các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị C và anh T đã kéo dài, cuộc sống chung không hạnh phúc và bất đồng quan điểm sống, hai anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xô xát, cãi vã, hai anh chị đã sống ly thân từ tháng 02/2021 đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng và cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho chị Hà Thị C ly hôn anh Hà Văn T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Chi và anh Thinh có 01 con chung là cháu Hà Minh N, sinh ngày 28/02/2011. Nguyện vọng của chị C và anh T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Minh N.

Xét thấy, khi anh chị sống ly thân thì cháu Hà Minh N đã trên 07 tuổi, qua xác minh với gia đình anh T và chính quyền địa phương thấy rằng cháu N sống cùng anh T và ông bà nội từ nhỏ, từ khi anh T và chị C sống ly thân thì anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Minh Nhật, cháu Nhật cũng có nguyện vọng là được ở cùng bố là anh T. Do đó để đảm bảo mọi quyền lợi cho cháu Hà Minh N phát triển trong điều kiện tốt nhất, cần chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Minh N. Chị C được đi lại thăm nom con, không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án, ngày 12/5/2022 TAND huyện Mộc Châu tiến hành lấy lời khai của anh Hà Văn T, anh T có ý kiến sau khi ly hôn đề nghị chị Hà Thị C phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Hà

Minh N mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Xét thấy chị C hiện nay đang ký hợp đồng lao động ngắn hạn với Công ty TNHH thương mại Bình Nguyên có thu nhập bình quân một tháng là 3.710.000 đồng, do đó anh T yêu cầu chị C phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh mỗi tháng 2.000.000 đồng là quá cao so với thu nhập của chị C, không đảm bảo cho cuộc sống của chị C. xét chị Chi đóng góp mức cấp dưỡng 700.000 đồng/ tháng là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hà Thị C và anh Hà Văn T khai nhận vợ chồng anh chị không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết trong vụ án.

[6] Về án phí: Chị Hà Thị C phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Hà Thị C được ly hôn với anh Hà Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hà Minh N, sinh ngày 28/02/2011 cho anh Hà Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Hà Minh N đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Hà Thị C cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Hà Minh N, sinh ngày 28/02/2011 mỗi tháng 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng), cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu Hà Minh N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

3. Về án phí: Chị Hà Thị Chi phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0000615 ngày 16/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộc Châu.

Chị Hà Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng định kỳ nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Hà Thị C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Hà Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 26 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án".

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Ngọc Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- UBND xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.